

**CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI LÊ GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI LÊ GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502423981

**3. Ngày thành lập:** 13/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

04 Võ Văn Kiệt, Xã Hoà Long, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0810     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn xi măng; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                      | 4663     |
| 3.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312     |
| 4.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730     |
| 5.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động xây dựng kết cấu công trình                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390     |
| 6.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác, Dịch vụ thuê bao xe du lịch (4 chỗ đến 50 chỗ)                                                                                                                                                                                                                          | 7710     |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330     |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất;                                                                                                                                                                                                                | 4933     |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thể thao ngoài trời                                                                                                                                                                                                                                                         | 4299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2812        |
| 12. | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời, thủy điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3511        |
| 13. | Truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3512        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn, thiết kế hệ thống công trình điện mặt trời, điện gió, Tư vấn lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng, xây dựng nông thôn, quy hoạch đô thị, xây dựng khu chức năng đặc thù.<br>- Tư vấn Thiết kế thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng, mua sắm vật tư, thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn giám sát khảo sát xây dựng địa chất và địa hình công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn Quản lý dự án xây dựng và thiết bị xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật. | 7110        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652        |
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn về bất động sản; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6820(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ BÁ QUÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 077087003826

Ngày cấp: 21/02/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tân An, Xã Phước Tân, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Tân An, Xã Phước Tân, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu